

Hoàn thiện công tác thống kê đầu tư trực tiếp nước ngoài trên cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam

TS. Trương Quốc Cường^{*}

Mở đầu

Cán cân thanh toán quốc tế (The Balance of Payments - BOP) là chỉ số kinh tế vĩ mô quan trọng đánh giá sức mạnh kinh tế của một quốc gia, là bức tranh khái quát toàn cảnh nền kinh tế trên các khía cạnh thương mại, dịch vụ, đầu tư và thu nhập giữa một quốc gia với phần còn lại của thế giới. Đây cũng là một trong những cơ sở quan trọng để các quốc gia hoạch định, xây dựng chiến lược kinh tế vĩ mô, đề ra những chủ trương, chính sách tài chính, tiền tệ phù hợp cho từng thời kỳ.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) có vai trò quan trọng trong quản lý và điều tiết các vấn đề liên quan đến tiền tệ, tín dụng và hoạt động ngân hàng, là cầu nối giữa thị trường tài chính - tiền tệ nội địa và nước ngoài. Theo đó, việc lập và công bố BOP đảm bảo độ chính xác, đầy đủ và kịp thời trên cơ sở tổng hợp số liệu của các cơ quan hữu quan là một trong những nhiệm vụ quan trọng của NHNN. Trong bối cảnh hậu khủng hoảng kinh tế toàn cầu, nền kinh tế trong nước có những diễn biến phức tạp, khó lường, lạm phát ở mức độ cao, việc phân tích và dự báo BOP càng trở nên quan trọng và đáng quan tâm hơn.

Tuy nhiên, xuất phát từ bản chất và nội dung, việc lập BOP là vấn đề hết sức phức tạp và còn không ít những khó khăn, vướng mắc. Hiện nay, ngoài những phát sinh nhầm lẫn, sai sót mang tính kỹ thuật, còn có sự chưa đồng nhất về số liệu một số hạng mục trong BOP, làm giảm ý nghĩa của BOP trong quản lý vĩ mô. Trong phạm vi của bài viết, tác giả đề cập đến nội dung thống kê đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) - một hạng mục quan trọng trong BOP - và những bất cập, khó khăn trong thống kê FDI trên BOP.

1. Tổng quan về cán cân thanh toán quốc tế

^{*} Học viện Ngân hàng

BOP là một báo cáo thống kê tổng hợp, phản ánh tổng thể các giao dịch kinh tế của một nền kinh tế với phần còn lại của thế giới, hay nói cụ thể hơn là các giao dịch kinh tế giữa người cư trú với người không cư trú trong một thời kỳ nhất định. Theo thông lệ quốc tế, người cư trú của một quốc gia cần hội đủ các điều kiện: (1) Thời hạn cư trú từ 12 tháng trở lên; (2) Có nguồn thu nhập từ quốc gia nơi cư trú.

Vấn đề cần lưu ý trong lập BOP là: (1) Khi đề cập đến “nền kinh tế”, không cần quan tâm đến địa lý mà chỉ cần quan tâm đến đơn vị thể chế cư trú tại quốc gia đó và “phần còn lại của thế giới” là các đơn vị thể chế không cư trú tại quốc gia đó; (2) Đảm bảo nguyên tắc hạch toán kép, thống nhất về phạm vi thống kê, định giá và thời gian hạch toán.

Kết cấu của bảng BOP gồm các cán cân bộ phận, đó là: Cán cân vãng lai; Cán cân vốn và cán cân tài chính, trong đó mỗi cán cân bộ phận bao gồm nhiều hạng mục cụ thể.

Cán cân vãng lai phản ánh các giao dịch quốc tế về thương mại (xuất nhập khẩu hàng hóa), dịch vụ (vận tải, du lịch, bảo hiểm, bưu chính viễn thông, ngân hàng...), thu nhập của người lao động, đầu tư và chuyển giao vãng lai (viện trợ không hoàn lại, quà tặng và các khoản chuyển giao khác bằng tiền hay hiện vật cho mục đích tiêu dùng).

Cán cân vốn phản ánh các giao dịch chuyển giao vốn quốc tế và các giao dịch về tài sản phi tài chính, phi sản xuất¹, trong đó, chuyển giao vốn quốc tế là các khoản cho, tặng bằng tiền (thường gắn với việc mua tài sản cố định, ví dụ như viện trợ để xây dựng cơ sở hạ tầng) hoặc hiện vật (bao gồm chuyển giao quyền sở hữu một TSCĐ hay xóa một khoản nợ) giữa người cư trú và người không cư trú cho mục đích đầu tư.

Cán cân tài chính tổng hợp các giao dịch về tài sản có và tài sản nợ tài chính giữa người cư trú với người không cư trú, bao gồm các hạng mục: Đầu tư trực tiếp, đầu tư vào giấy tờ có giá (đầu tư gián tiếp), đầu tư khác và tài sản dự trữ.

Theo thông lệ quốc tế, BOP thường được trình bày theo mẫu (Bảng 1).

Bảng 1. Phân loại các hạng mục trong cán cân thanh toán (BOP)

Các hạng mục BOP	
Cán cân vãng lai (1)	
A. Hàng hóa và dịch vụ	
	Hàng hóa
	Dịch vụ
B. Thu nhập	
1.	Trả lương nhân viên
2.	Thu nhập đầu tư
2.1.	Đầu tư trực tiếp
	Thu nhập từ vốn góp
	Cổ tức và lợi nhuận được chia
	Thu nhập tái đầu tư và lợi nhuận chưa phân phối
	Thu nhập từ các khoản cho vay (tiền lãi)
2.2.	Đầu tư gián tiếp
2.3.	Đầu tư khác
C. Chuyển tiền vãng lai	
Cán cân vốn và tài chính (2-3)	
A. Cán cân vốn	
1.	Chuyển giao vốn
2.	Mua/bán tài sản phi tài chính, phi sản xuất
B. Cán cân tài chính	
1. Đầu tư trực tiếp	
1.1.	Đầu tư ra nước ngoài
	Vốn cổ phần
	Thu từ các công ty có mối quan hệ FDI
	Phải trả các công ty có mối quan hệ FDI
	Thu nhập tái đầu tư
	Đầu tư khác
	Thu từ các công ty con
	Chứng khoán nợ do các công ty có mối quan hệ FDI phát hành
	Những khoản thu khác từ các công ty có mối quan hệ FDI
	Phải trả các công ty con
	Chứng khoán nợ do nhà đầu tư trực tiếp phát hành

Các khoản phải trả khác của nhà đầu tư trực tiếp

1.2. Đầu tư vào

Vốn cổ phần

Thu từ các nhà đầu tư trực tiếp

Phải trả các nhà đầu tư trực tiếp

Thu nhập tái đầu tư

Đầu tư khác

Thu từ nhà đầu tư trực tiếp

Chứng khoán nợ do nhà đầu tư trực tiếp phát hành

Những khoản thu khác từ nhà đầu tư trực tiếp

Phải trả nhà đầu tư trực tiếp

Chứng khoán nợ do các công ty có mối quan hệ FDI phát

hành

Các khoản phải trả khác cho nhà đầu tư trực tiếp

2. Đầu tư gián tiếp

3. Đầu tư khác

4. Tài sản dự trữ

Nguồn: IMF

2. Thực trạng công tác thống kê vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam và những vấn đề đặt ra

2.1. Khái quát tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài giai đoạn 2005 - 2010

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI- Foreign Direct Investment) luôn có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế- xã hội của mỗi quốc gia, nhất là các quốc gia đang phát triển và trong giai đoạn chuyển đổi. Bởi lẽ, cùng với FDI là quá trình chuyển giao tiếp nhận công nghệ hiện đại, đồng thời tạo điều kiện cho nước nhận FDI tiếp cận được phương pháp và kỹ năng tổ chức, quản lý tiên tiến, phù hợp với cơ chế thị trường, góp phần quan trọng đem lại hiệu quả kinh doanh cho các doanh nghiệp.

Đối với Việt Nam, sau hơn 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, đã thu được nhiều thành công, trong đó có thành công trong thu hút FDI. (Bảng 2)

Bảng 2. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Việt Nam giai đoạn 2005- 2010

Đơn vị: triệu USD

TT	Chỉ tiêu	2005	2006	2007	2008	2009	2010
1.	Vốn đăng ký	6.839,8	12.004	21.347,8	71.726	23.107,3	19.886,1
2.	Mức tăng	-	5.164,2	9.343,8	50.378,2	-48.818,7	-3.221,2
3.	Tốc độ tăng (%)	-	75,5	77,8	236	-67,8	-13,9
4.	Vốn thực hiện	3.308,8	4.100,1	8.030	11.500	10.000	11.000
5.	Mức tăng	-	791,3	3.929,9	3.470	-1.500	1.000
6.	Tốc độ tăng (%)	-	23,9	95,8	43,2	-13	10
7.	Vốn TH/Vốn ĐK (%)	48,37	34,15	37,61	16	43,27	55,31

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Như vậy, FDI vào Việt Nam có xu hướng tăng rõ rệt trong những năm từ 2005-2008 và đạt đỉnh vào năm 2008 với vốn đăng ký là 71,7 tỷ USD, vốn thực hiện là 11,5 tỷ USD. Sau đó, do khủng hoảng kinh tế toàn cầu nên FDI vào Việt Nam đã chậm lại, nhưng đang trong chiều hướng phục hồi, các dự án đầu tư ảo giảm rõ rệt, tỷ lệ vốn thực hiện/vốn đăng ký ngày càng tăng. Đến nay, khu vực doanh nghiệp FDI đã đóng góp gần 20% GDP, tạo nguồn thu cho ngân sách gần 3 tỷ USD, giải quyết việc làm cho trên 2 triệu lao động trực tiếp và hàng vạn lao động gián tiếp khác.

2.2. Thực trạng công tác thống kê vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam và những vấn đề đặt ra

Trách nhiệm lập, theo dõi và phân tích BOP của Việt Nam hiện nay được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 164/1999/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/11/1999 về quản lý BOP của Việt Nam. Theo đó, NHNN là cơ quan chịu trách nhiệm chủ trì trong việc lập, theo dõi và phân tích BOP. Để có được số liệu lập BOP, NHNN phải dựa vào nhiều nguồn số liệu và thông tin từ các Bộ, ngành khác nhau và sự phối hợp này được cụ thể hóa theo Thông tư số 05/2000/TT-NHNN ngày 28/3/2000 hướng dẫn các mẫu biểu đối với từng Bộ, ngành để thu thập số liệu, thông tin phục vụ việc lập BOP

theo quy định tại Nghị định 164 và Thông tư liên tịch số 05/2007/TTLT/NHNN-BKH-BTC-BTM ngày 14/6/2007 hướng dẫn lập và phân tích BOP của Việt Nam. Trên cơ sở thông tin, số liệu do các Bộ, ngành liên quan cung cấp, Ngân hàng Nhà nước đã lập cán cân thanh toán quốc tế (Bảng 3).

Bảng 3. Cán cân thanh toán quốc tế Việt Nam giai đoạn 2005- 2010

Đơn vị: triệu USD

	2005	2006	2007	2008	2009	2010
A. Cán cân vãng lai	-560	-164	-7.092	-10.823	-6.608	-4.287
1. Cán cân thương mại	-2.439	-2.776	-10.438	-12.783	-7.607	-5.147
2. Dịch vụ	-296	-8	-894	-950	-2.424	-2.461
3. Chuyển tiền (ròng)	3.380	4.049	6.430	7.311	6.448	7.885
4. Thu nhập đầu tư (ròng)	-1.205	-1.429	-2.190	-4.401	-3.028	-4.564
B. Cán cân vốn và tài chính	3.087	3.088	17.730	12.341	6.755	6.201
5. Đầu tư trực tiếp	1.889	2.315	6.516	9.279	6.900	7.100
FDI vào VN	1.954	2.400	6.700	9.579	7.600	8.000
FDI ra nước ngoài	65	85	184	300	700	900
6. Vay trung-dài hạn	921	1.025	2.269	992	4.473	1.751
7. Vay ngắn hạn	46	-30	79	1.71	256	1043
8. Đầu tư vào giấy tờ có giá	865	1313	6243	-578	-71	2.370
9. Tiền và tiền gửi	-634	-1.535	2.623	677	-4.803	-7.063
Tổng cán cân vãng lai và cán cân vốn & tài chính	2.527	2.924	10.638	1.518	167	1.914

Nguồn: IMF

Như vậy, bảng BOP đã phản ánh được hầu hết các giao dịch kinh tế đối ngoại của Việt Nam như xuất, nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ; chuyển tiền kiều hối, thu nhập từ hoạt động đầu tư, các giao dịch về vốn như đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp, vay trả nợ nước ngoài, đầu tư dưới dạng tiền và tiền

gửi,... Bảng BOP cũng phản ánh được luồng chu chuyển ngoại tệ vào, ra khỏi Việt Nam trong một thời kỳ nhất định nên nó là cơ sở quan trọng để Chính phủ điều tiết kinh tế vĩ mô, hoạch định các chính sách kinh tế.

Số liệu FDI trên BOP tại Bảng 3 có sự khác biệt với số FDI do Tổng cục Thống kê công bố (Bảng 2). Sự khác biệt này là do cách tiếp cận và phạm vi thống kê BOP có một số đặc thù. Tại Bảng 1 về phân loại các hạng mục trên BOP cho thấy, thống kê FDI là hạng mục quan trọng, nằm cả trong cán cân vãng lai và cán cân tài chính, phản ánh toàn bộ các giao dịch giữa nhà đầu tư trực tiếp (người không cư trú của nước nhận đầu tư) và các doanh nghiệp FDI (người cư trú của nước nhận đầu tư) và cả những giao dịch sau đó giữa các doanh nghiệp có mối quan hệ đầu tư trực tiếp. Trên cán cân tài chính, bên tài sản có của một nền kinh tế phản ánh các luồng vốn FDI ra nước ngoài, trong khi tài sản nợ phản ánh vốn FDI mà nền kinh tế đó thu hút được. Còn trên cán cân vãng lai, thống kê FDI phản ánh phần thu nhập từ hoạt động FDI. Như vậy, đối với thống kê các hạng mục trên BOP nói chung, thống kê FDI nói riêng, người thống kê chỉ quan tâm đến các luồng chu chuyển vốn, tài sản giữa người cư trú và người không cư trú. Do vậy, FDI trên BOP chỉ tính đến phần vốn thực hiện của phía nước ngoài chuyển vào Việt Nam và của Việt Nam chuyển ra nước ngoài; tương tự như vậy, đối với hạng mục thu nhập ròng trên cán cân vãng lai. Vì vậy, số liệu FDI trên BOP thấp hơn so với số FDI do Tổng cục Thống kê công bố.

Về nguồn số liệu FDI trên BOP của Việt Nam hiện nay, theo quy định tại Khoản 1, Điều 7, Nghị định 164, có 19 Bộ, ngành và cơ quan liên quan chịu trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu cho NHNN để lập BOP. Tuy nhiên, 2 nguồn số liệu chủ yếu được sử dụng để tính toán các hạng mục liên quan đến FDI trên BOP là nguồn số liệu từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu dự báo và số liệu thực tế về FDI của nước ngoài vào Việt Nam và FDI của Việt Nam ra nước ngoài; Bộ Tài chính cung cấp các thông tin, số liệu về chuyển lợi nhuận đầu tư về nước của các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và của các nhà đầu tư Việt Nam tại nước ngoài cho NHNN. Ngoài ra, căn cứ vào một số nguồn thông tin, số liệu từ các cơ quan khác như Tổng cục Hải quan, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam,..., NHNN tiến hành tính toán,

so sánh, đối chiếu số liệu về FDI và thu nhập từ hoạt động FDI. Cơ chế phối hợp cụ thể như sau:

Thứ nhất, từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan quản lý Nhà nước đối với hoạt động đầu tư, bao gồm cả hoạt động đầu tư vào Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài (quy định chi tiết tại Luật Đầu tư 2005, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Đầu tư, Nghị định số 78/2006/NĐ-CP quy định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài). Theo đó, “đầu tư trực tiếp là hình thức đầu tư do nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và tham gia quản lý hoạt động đầu tư” dưới các hình thức: Thành lập tổ chức kinh tế 100% vốn của nhà đầu tư trong nước hoặc 100% vốn của nhà đầu tư nước ngoài; thành lập tổ chức kinh tế liên doanh giữa các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài; đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC, hợp đồng BOT, hợp đồng BTO, hợp đồng BT; đầu tư phát triển kinh doanh; mua cổ phần hoặc góp vốn để tham gia quản lý hoạt động đầu tư; đầu tư thực hiện việc sáp nhập và mua lại doanh nghiệp; các hình thức đầu tư trực tiếp khác. Hoạt động đầu tư được coi là hợp pháp khi nhà đầu tư nước ngoài được cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Như vậy, có thể coi doanh nghiệp FDI là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định phạm vi thống kê FDI vào Việt Nam.

Tuy nhiên, theo thông lệ quốc tế, việc xác định nguồn vốn FDI thường căn cứ vào các yếu tố sau: (1) Đầu tư trực tiếp được định nghĩa là một khoản đầu tư được thực hiện bởi người cư trú của một nền kinh tế (nhà đầu tư trực tiếp) vào một nền kinh tế khác, và đó là một thực thể dài hạn hoặc có lợi ích lâu dài; (2) nhà đầu tư có những ảnh hưởng tới việc quản lý doanh nghiệp. Xét trên góc độ điều hành, theo IMF, một doanh nghiệp bị sở hữu từ 10% cổ phiếu thường hoặc cổ phiếu có quyền biểu quyết trở lên bởi nhà đầu tư trực tiếp đủ điều kiện là doanh nghiệp FDI. “Quy tắc 10%” nêu trên có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định và thống kê hạng mục FDI trong BOP và cũng là ngưỡng phân biệt giữa FDI với đầu tư gián tiếp (FPI) và đầu tư khác. Như vậy, có sự khác biệt về phạm vi thống kê FDI trên BOP giữa Việt Nam và quốc tế.

Với phạm vi thống kê nêu trên, hàng tháng, hàng quý và định kỳ năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thu thập và công bố số liệu về hoạt động thu hút FDI, bao gồm các số liệu về tổng vốn đăng ký (đăng ký mới và tăng thêm), tổng vốn thực hiện. Ngoài ra, thông qua hệ thống báo cáo trực tiếp từ các doanh nghiệp FDI, Cục Đầu tư nước ngoài (FIA) thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư (cơ quan trực tiếp quản lý hoạt động FDI nước ngoài vào Việt Nam và FDI của Việt Nam ra nước ngoài) còn cung cấp thêm các thông tin về ngành và lĩnh vực đầu tư, nước đầu tư, tổng vốn đăng ký, tổng vốn thực hiện của phía nước ngoài, tổng vốn thực hiện của phía Việt Nam, thu hồi/ chấm dứt hoạt động đầu tư...

Song song với nguồn số liệu này, hàng năm, thông qua điều tra doanh nghiệp, Tổng cục Thống kê tính toán, công bố các số liệu về tổng vốn đầu tư; doanh thu; lợi nhuận trước thuế; thuế, phí phải nộp. NHNN sử dụng trực tiếp nguồn số liệu này để lập cán cân FDI, tính toán thu nhập từ hoạt động FDI hoặc để kết hợp, đối chiếu, so sánh với các nguồn số liệu khác để tính toán các chỉ tiêu về thu nhập đầu tư.

Thứ hai, từ Bộ Tài chính: Thông qua số liệu từ Tổng Cục thuế về thuế thu nhập phải nộp của các doanh nghiệp FDI (không kể các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dầu khí), NHNN ước tính các khoản chi thu nhập đầu tư trên BOP (ghi nợ mục 2.1 trong bảng BOP).

Thứ ba, từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam: Tập đoàn Dầu khí cung cấp số liệu về tình hình thực hiện FDI của nước ngoài vào Việt Nam và của Việt Nam ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí; lợi nhuận của các doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí, nguồn thu của phía nước ngoài trong hoạt động khai thác dầu khí tại Việt Nam. Căn cứ vào nguồn số liệu này, NHNN ước tính các khoản chi thu nhập đầu tư đối với các doanh nghiệp FDI hoạt động trong lĩnh vực dầu khí.

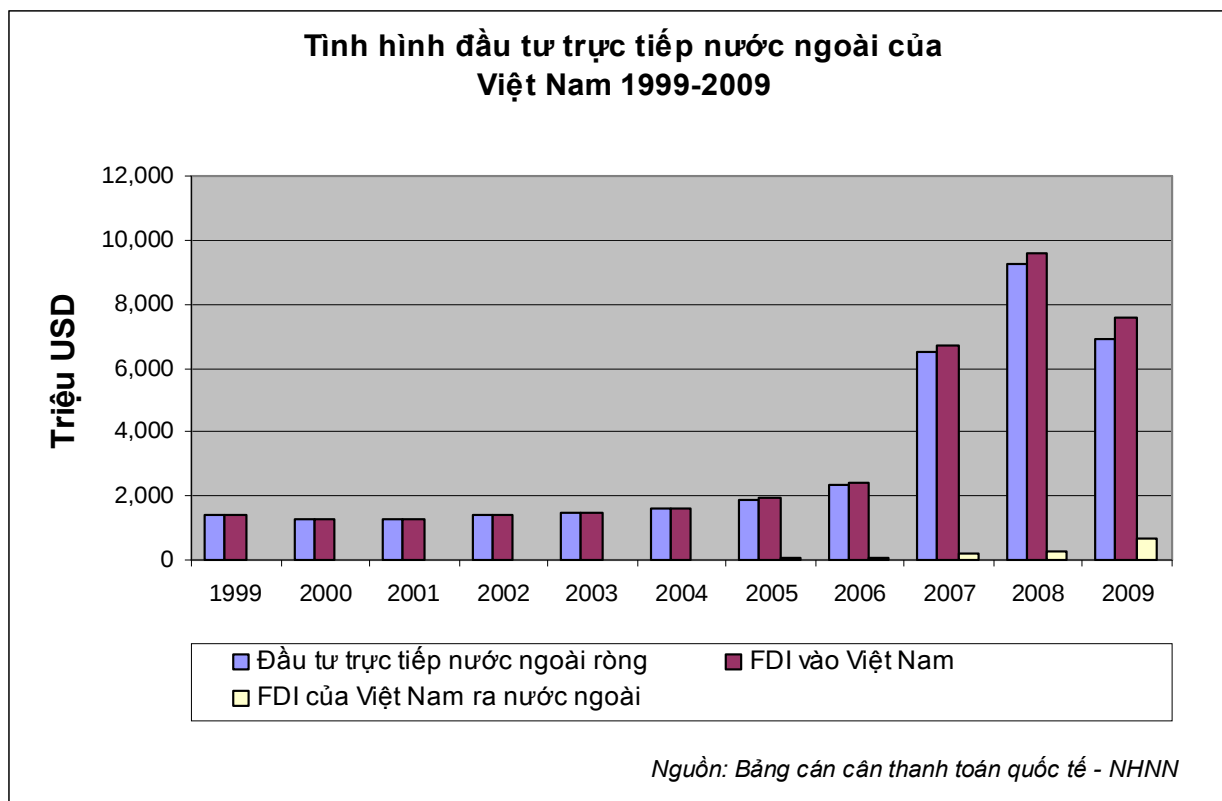
Thứ tư, từ NHNN: Theo Pháp lệnh Quản lý ngoại hối, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phải mở tài khoản tại một ngân hàng thương mại (NHTM) được phép kinh doanh ngoại hối để thực hiện các giao dịch chuyển vốn của nhà đầu tư nước ngoài (bao gồm cả chuyển tiền vào và ra). Qua tài khoản chuyên dùng này, NHNN yêu cầu các NHTM được phép kinh doanh ngoại hối báo cáo các khoản ngoại tệ chuyển

vào, các khoản vay nợ nước ngoài, chuyển vốn FDI ra nước ngoài, các khoản góp vốn mua cổ phần tại các doanh nghiệp Việt Nam. Ngoài ra, Thông tư số 21/2010/TT-NHNN ngày 08/10/2010, chính thức có hiệu lực từ tháng 7/2011, của NHNN về việc quy định báo cáo thống kê áp dụng đối với các đơn vị thuộc NHNN và các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cũng là một nguồn số liệu để thu thập số liệu FDI.

Từ các nguồn số liệu trên, NHNN tổng hợp, tính toán số liệu liên quan đến FDI theo đúng phạm vi thống kê BOP (chỉ tính các giao dịch về FDI giữa người cư trú với người không cư trú). Theo đó, hạng mục FDI trên cán cân vốn và tài chính trên BOP được tính như sau:

$$\text{FDI (ròng)} = \text{FDI của nước ngoài đầu tư vào VN}^2 - \text{FDI của Việt Nam đầu tư ra nước ngoài}$$

Biểu đồ 1



Đối với hạng mục thu nhập đầu tư trên cán cân vãng lai, các khoản thu nhập từ hoạt động FDI tính toán dựa trên số liệu từ Tổng Cục thuế và từ Tập đoàn Dầu khí cung cấp. Theo cách tính toán trên, lợi nhuận chuyển về nước của phía nước ngoài trong các dự án FDI trong thời gian từ 2005-2010 được thể hiện qua Bảng 4.

Bảng 4. Thu nhập từ hoạt động đầu tư trực tiếp

Đơn vị: triệu USD

Chỉ tiêu	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Thu nhập đầu tư (ròng) ^(*)	-1.205	-1.429	-2.190	-4.401	-3.028	-4.564
Thu	364	668	1166	1357	753	456
Chi	1.569	2.097	3.356	5.758	3.781	5.020
Lợi nhuận sau thuế của DN FDI	1.200	1.800	2.400	5.100	3.000	4.100
Tỷ lệ chi lợi nhuận FDI/tổng chi (%)	76,5	85,8	71,5	88,6	79,3	81,7
Lợi nhuận/vốn đầu tư trong năm (%)	61,4	75,0	35,8	53,2	39,5	51,3

Nguồn: (*) IMF, tác giả tự ước tính

Cũng giống như nguồn vốn FDI vào Việt Nam, lợi nhuận phía nước ngoài được hưởng từ các dự án FDI tăng mạnh và đạt đỉnh năm 2008 với mức chi trả cổ tức lên đến trên 5 tỷ USD, sau đó giảm còn 3 tỷ USD trong năm 2009 và phục hồi lên mức 4,1 tỷ USD trong năm 2010. Điều này hoàn toàn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam giai đoạn 2005 - 2010 (từ 2005 - 2008, kinh tế tăng trưởng mạnh; năm 2009, chịu sự tác động của khủng hoảng kinh tế; năm 2010, kinh tế bắt đầu có dấu hiệu phục hồi). Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế phía nước ngoài được hưởng từ các dự án FDI chiếm phần lớn trong tổng chi của hạng mục thu nhập đầu tư trên cán cân vãng lai, do đó, làm gia tăng mức thâm hụt của hạng mục này trên BOP. Ngoài ra, nếu so sánh với tổng vốn FDI thực hiện trong năm thì phần chi trả cổ tức cũng chiếm tỷ lệ rất cao nên ảnh hưởng đến hiệu quả thu hút FDI cũng như ảnh hưởng đến dự trữ ngoại tệ của đất nước.

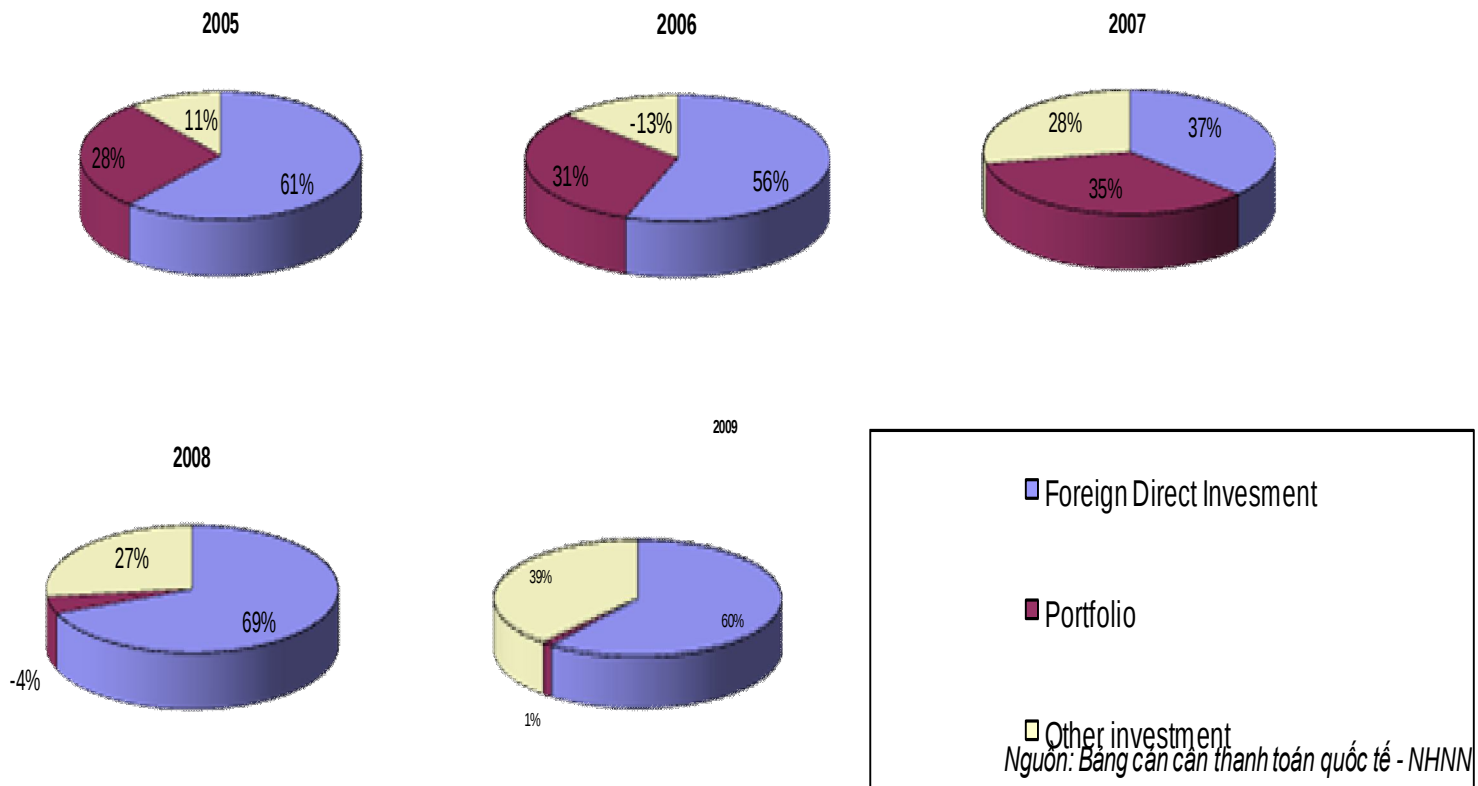
Tác động tích cực và tiêu cực của FDI lên cán cân thanh toán

Cơ cấu FDI trong cán cân thanh toán trong những năm qua cho thấy FDI luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cán cân vốn và tài chính. Đây là yếu tố chính giúp cán cân vốn và tài chính luôn thặng dư, là nguồn thu ngoại tệ quan trọng cung cấp thanh khoản ngoại tệ cho nền kinh tế và là nguồn bù đắp chủ yếu cho thâm hụt cán cân vãng lai. Ngoài ra, nguồn vốn FDI có tính chất dài hạn, ổn định nên đáp ứng được các mục tiêu dài hạn và cân bằng kinh tế vĩ mô. (Biểu đồ 2).

Biểu đồ 2. Cơ cấu FDI trong cán cân vốn



cán cân vốn và tài chính **Đồ thị 2. Cơ cấu FDI trong cán cân vốn**



Tuy nhiên, bên cạnh những điểm tích cực trên, việc thống kê chính xác luồng vốn FDI phục vụ việc lập BOP gặp một số khó khăn:

Thứ nhất, hiện nay, Cục Đầu tư nước ngoài (FIA) là cơ quan chịu trách nhiệm tổng hợp số liệu về FDI, bao gồm cả FDI vào Việt Nam và FDI của Việt Nam ra nước ngoài. Đối với FDI ra, các doanh nghiệp báo cáo trực tiếp cho FIA. Đối với số liệu FDI vào, FIA tổng hợp dựa trên số liệu báo cáo

từ các địa phương, tuy nhiên, đây là số liệu về giá trị vốn thực hiện nhưng không được phân chia theo các yếu tố cấu thành như vốn cổ phần, vốn vay, lợi nhuận tái đầu tư,... cũng không chia thành vốn bằng tiền và vốn bằng hiện vật như máy móc, thiết bị, nhà xưởng, giá trị quyền sử dụng đất,... và các khoản tương đương tiền như công nghệ, bí quyết kỹ thuật, thương hiệu,... Do đó, số liệu vốn thực hiện của phía nước ngoài do FIA thu thập có thể bao gồm cả các khoản vốn vay từ các TCTD tại Việt Nam, hoặc huy động từ các cá nhân là người cư trú của Việt Nam (điển hình là các dự án FDI vào lĩnh vực bất động sản. Đây là những dự án đòi hỏi vốn đầu tư lớn nhưng nhà đầu tư nước ngoài thường chỉ đầu tư một phần dự án, phần còn lại sẽ được huy động từ người cư trú dưới hình thức bán, góp vốn, hoặc thế chấp để vay từ các TCTD trong nước). Theo phương pháp luận thống kê BOP, khoản vay này không được ghi chép vào BOP. Ngoài ra, hiện nay, FIA là cơ quan duy nhất tổng hợp số liệu FDI, chưa có kênh thu thập nào khác để có thể bổ sung, đối chiếu, so sánh với nguồn số liệu này.

Thứ hai, việc thống kê, tổng hợp đối với hạng mục thu nhập đầu tư từ hoạt động FDI gặp khó khăn, chưa có số liệu về lợi nhuận phía nước ngoài được hưởng trong các doanh nghiệp FDI không thuộc lĩnh vực dầu khí. Các số liệu hiện tại của các doanh nghiệp không thuộc lĩnh vực dầu khí chỉ được ước tính từ thuế thu nhập thông qua con số thống kê của Tổng cục Thuế. Điều này dẫn đến FIA và các cơ quan quản lý liên quan chưa thống kê được lợi nhuận tái đầu tư trong các doanh nghiệp FDI.

Thứ ba, hiện tượng chuyển giá, báo lỗ của các doanh nghiệp FDI. Đây là hành động các doanh nghiệp FDI nâng khống giá nguyên vật liệu, máy móc,... nhập khẩu từ công ty mẹ và giảm giá bán từ các công ty con tại Việt Nam cho công ty mẹ nhằm chuyển lợi nhuận ra nước ngoài, tránh bị đánh thuế thu nhập doanh nghiệp. Điều này không những gây thất thu thuế cho Việt Nam mà còn ảnh hưởng lớn đến thâm hụt cán cân thương mại (do giá trị nhập khẩu bị tăng lên, còn giá trị xuất khẩu bị giảm đi).

Thứ tư, một khác biệt cơ bản nữa khiến cho thống kê FDI trên BOP của Việt Nam không chính xác theo đúng chuẩn mực quốc tế là do Việt Nam chưa có khái niệm rõ ràng về doanh nghiệp FDI nên phạm vi thống kê FDI hiện nay ở Việt Nam chưa theo thông lệ quốc tế (quy tắc 10% đề cập ở trên).

Chính việc khác biệt về “qui tắc 10%” này đã khiến cho việc xem khoản đầu tư là trực tiếp hay gián tiếp của Việt Nam khác biệt xa so với thông lệ quốc tế. Vì thế, kéo theo đó là những thống kê về FDI trên BOP của Việt Nam cũng không nhất quán với thông lệ quốc tế.

Một khó khăn nữa trong việc thống kê FDI phục vụ việc lập BOP, đó là vay nợ nước ngoài của các doanh nghiệp FDI (do NHNN thu thập) chưa có đủ thông tin và căn cứ để xác định đây là các giao dịch FDI hay không. Các số liệu về thu nhập được các nhà đầu tư sử dụng tái đầu tư trở lại cũng không được thống kê.

Như vậy, có thể thấy sự thiếu hụt thông tin hoặc các thông tin, số liệu hiện có chưa đáp ứng đủ yêu cầu để lập cân cân thanh toán là khó khăn lớn đối với công tác thống kê FDI trên BOP. Đây cũng chính là một trong những nguyên nhân gây ra lỗi và sai sót trên BOP.

3. Giải pháp cải thiện chất lượng thống kê FDI trên cân cân thanh toán

3.1. Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý

Như trên đã phân tích, văn bản pháp lý cao nhất hướng dẫn việc lập và quản lý BOP của Việt Nam hiện nay là Nghị định 164. Ra đời từ năm 1999 nên đến nay, Nghị định 164 đã có một số điểm không phù hợp.

Nghị định 164 quy định trách nhiệm đối với 19 Bộ, ngành trong việc cung cấp thông tin, số liệu cho NHNN để lập BOP. Tuy nhiên, qua hơn 10 năm, cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của các Bộ, ngành đã có sự thay đổi nên quy định về trách nhiệm của các cơ quan này tại Nghị định 164 có nhiều điểm không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, ngành hiện nay. Ví dụ như Nghị định 164 đề cập đến trách nhiệm của Bộ Công nghiệp và Bộ thương mại, nay đổi thành Bộ Công thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư không còn quản lý hoạt động vay, trả nợ nước ngoài và cho vay, thu nợ từ nước ngoài, Bộ Ngoại giao không quản lý các khoản thu- chi của các Đại sứ quán, Lãnh sự quán, các Đoàn ngoại giao, cơ quan đại diện, các Tổ chức quốc tế là Người không cư trú ở Việt Nam đối với Chính phủ và Tổ chức là Người cư trú về tiền thuê trụ sở, tiền điện, nước và các chi phí khác,...

Trong cơ chế giao quyền tự chủ cho các doanh nghiệp, nhiều thông tin, số liệu vượt quá khả năng thống kê của các Bộ, ngành, cơ quan, như Bộ Y tế

không thống kê được thu, chi dịch vụ chăm sóc sức khỏe, chữa bệnh giữa người cư trú và người không cư trú; Bộ Giáo dục và Đào tạo không thống kê được chi phí đi du học nước ngoài bằng nguồn kinh phí tự túc,...

Phạm vi thống kê đối với một số hạng mục trên BOP cũng chưa được quy định đầy đủ trong Nghị định 164 nên dẫn đến cách hiểu không thống nhất về phương pháp thống kê các hạng mục này trong BOP. Đối với FDI, Nghị định 164 chưa quy định cụ thể về phạm vi thống kê hạng mục này nên Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố số liệu FDI thực hiện trong kỳ bao gồm vốn thực hiện của cả phía Việt Nam và phía nước ngoài, trong khi, theo phương pháp luận thống kê BOP, hạng mục FDI trên BOP không bao gồm phần vốn góp của phía Việt Nam. Các khoản vay của phía nước ngoài từ các TCTD là người cư trú, hoặc huy động từ các tổ chức cá nhân khác là người cư trú dưới hình thức vốn góp (nằm trong vốn thực hiện) cũng không được ghi nhận trên BOP.

Một số quy định tại Nghị định 164 chưa phù hợp với thông lệ quốc tế về phương pháp luận về thống kê BOP. Bảng BOP quy định tại Nghị định 164 được xây dựng chủ yếu theo sách Hướng dẫn thống kê cán cân thanh toán của IMF phiên bản số 4 (BPM4), trong khi hiện nay, các nước thành viên IMF đang áp dụng hướng dẫn tại BPM5 và chuẩn bị áp dụng BPM6. Ngoài ra, Nghị định 164 cũng chưa quy định về việc lập báo cáo vị thế đầu tư quốc tế (International Investment Position-IIP). Báo cáo IIP phản ánh giá trị của các giao dịch kinh tế giữa người cư trú và người không cư trú tại một thời điểm cụ thể, do đó, IIP và BOP có liên quan chặt chẽ với nhau và là các báo cáo cung cấp thông tin hữu ích cho việc đánh giá các quan hệ kinh tế của một quốc gia với phần còn lại của thế giới nên rất cần thiết cho các nhà hoạch định chính sách, các nhà đầu tư và những người nghiên cứu kinh tế.

Từ các phân tích trên cho thấy cần sửa đổi Nghị định 164/1999/NĐ-CP theo hướng: (i) Quy định rõ phạm vi thống kê FDI; (ii) Giao quyền cho NHNN hướng dẫn, điều chỉnh các số liệu thống kê từ các bộ, ngành phù hợp với phương pháp luận thống kê BOP; (iii) Bổ sung quy định về lập và công bố Vị thế đầu tư quốc tế. Các quy định khác có liên quan đến thống kê FDI cũng cần xem xét lại như sửa đổi Nghị định 108/2006/NĐ-CP theo hướng: (i) Đưa ra khái niệm về đầu tư nước ngoài phù hợp với chuẩn mực quốc tế; (ii) Quy

định chi tiết về chỉ tiêu báo cáo, tần suất báo cáo của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

3.2. Chú trọng và tăng cường đầu tư cho công tác thống kê nói chung và thống kê FDI nói riêng:

- Rà soát lại hệ thống thống kê FDI hiện tại: Như trên đã phân tích, hiện nay, FIA là cơ quan duy nhất tổng hợp số liệu FDI nên cần có nguồn số liệu khác để đối chiếu, so sánh. Hiện nay, Thông tư số 21/2010/TT-NHNN quy định Báo cáo thống kê áp dụng đối với các đơn vị thuộc NHNN và các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã chính thức có hiệu lực từ tháng 7/2011. Thông qua báo cáo do các TCTD gửi về, NHNN có thể khai thác được các giao dịch bằng tiền của phía nước ngoài trong các dự án FDI, do đó, có thể bóc tách được vốn thực hiện phía nước ngoài đóng góp bằng tiền trong các dự án FDI. Bên cạnh đó, Tổng cục Hải quan cũng có thể thống kê được giá trị hàng hóa, máy móc, thiết bị nhập khẩu phục vụ các dự án FDI. Do đó, có thể kết hợp 2 nguồn số liệu này để đối chiếu với số liệu do FIA tổng hợp.

- Tiến hành điều tra doanh nghiệp FDI: Điều tra doanh nghiệp nhằm kiểm chứng số liệu mà các doanh nghiệp báo cáo, tránh hiện tượng chuyển giá, báo lỗ; đồng thời có thể thống kê được lợi nhuận chuyển về nước của phía nước ngoài.

- Yêu cầu các doanh nghiệp FDI thực hiện nghiêm chế độ báo cáo thống kê theo Thông tư số 04/2011/TT-BKHDT ngày 21/3/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hệ thống mẫu biểu báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với DNNN, doanh nghiệp và dự án có vốn đầu tư nước ngoài.

3.3. Xây dựng nguồn nhân lực

Hiện nay, nhiều cán bộ làm công tác thống kê FDI tại các tổ chức/đơn vị liên quan chưa được đào tạo kiến thức về thống kê FDI cũng như cập nhật thường xuyên các thay đổi về phương pháp luận, phạm vi thống kê FDI theo chuẩn mực quốc tế và hiểu đúng tầm quan trọng của công tác này. Vì vậy, đào tạo đội ngũ cán bộ làm thống kê FDI là một trong những nhân tố quan trọng nâng cao chất lượng thống kê FDI, là nguồn số liệu quan trọng trong BOP, giúp các cơ quan quản lý có nguồn số liệu chính xác để ra các quyết định trong điều hành kinh tế vĩ mô.

Ngoài ra, cũng cần bổ sung thêm nhân lực cho công tác thống kê FDI tại các cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ thống kê số liệu FDI để công tác này được kịp thời, phục vụ cho công tác lập BOP của NHNN.

¹*Tài sản phi tài chính, phi sản xuất là tài sản không do quá trình sản xuất tạo ra, gồm cả tài sản hữu hình và tài sản vô hình - Tham khảo định nghĩa và phân loại tài sản phi tài chính trong cuốn “Hệ thống tài khoản quốc gia”, tác giả Nguyễn Văn Quy, NXB Thống kê, 2000.*

²*FDI của nước ngoài vào Việt Nam chỉ tính phần vốn thực hiện của phía nước ngoài đóng góp vào các dự án FDI.*

Tài liệu tham khảo

1. Ngân hàng Nhà nước, 2006, Phương pháp thống kê và phân tích cán cân thanh toán quốc tế, NXB Công an nhân dân;
2. International Monetary Fund, Balance of Payments and International Investment Position Manual, 5th edition (BPM5), 1993;
3. International Monetary Fund, Balance of Payments and International Investment Position Manual, 6th edition (BPM6), 2010;
4. United Nation Conference on Trade and Development, UNCTAD Training Manual on Statistics for FDI and the Operations of TNCs;
5. Thông tư số 04/2011/TT-BKHDT ngày 21/3/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
6. Thông tư liên tịch số 05/2007/TTLT/NHNN-BKH-BTC-BTM về hướng dẫn lập và phân tích BOP của Việt Nam;
7. Nghị định 164/1999/NĐ-CP;
8. Nghị định 108/2006/NĐ-CP.